

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI



BÀI VIẾT

**“PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU VÀ DỰ BÁO MẶT HÀNG HẠT ĐIỀU,
THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2024”**

Thuộc nhiệm vụ “Cung cấp thông tin phân tích và dự báo thị trường nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả kinh doanh, tiêu thụ nông sản trong nước” năm 2024

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU VÀ DỰ BÁO MẶT HÀNG HẠT ĐIỀU

(Tháng 11 và 11 tháng năm 2024)

Thuộc nhiệm vụ “Cung cấp thông tin phân tích và dự báo thị trường nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả kinh doanh, tiêu thụ nông sản trong nước” năm 2024

I. NGUỒN CUNG

1. Tình hình sản xuất

- Diện tích:

Diện tích trồng điều của Việt Nam giảm dần qua các năm do giá điều thấp trong thời gian dài, cộng với điều trong nước khó cạnh tranh với hàng nhập khẩu dẫn đến thu nhập không đảm bảo nên nông dân chặt điều chuyển sang cây trồng khác cho hiệu quả kinh tế cao hơn. Ngoài ra, còn là do chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp.

Cụ thể, nếu như năm 2007 diện tích điều của cả nước là 440 nghìn ha, đến năm 2022 tổng diện tích điều cả nước giảm còn 309,8 nghìn ha. Năm 2023, diện tích điều tiếp tục giảm còn 301,1 nghìn ha. Dự báo diện tích điều năm 2024 tiếp tục giảm 3,7% so với năm trước, xuống còn 290 ha.

- Sản lượng:

Cùng với diện tích giảm, sản lượng hạt điều cũng giảm, cụ thể năm 2021 sản lượng điều của Việt Nam đạt 328,8 nghìn tấn, giảm 15,9% so với năm 2021; năm 2023 ước đạt 300 nghìn tấn, giảm 8,8% so với năm 2022. Dự báo, vụ mùa 2024/2025 do thời tiết bất lợi, nhiều sâu bệnh nên sản lượng điều ước đạt 270 nghìn tấn, giảm 11,1% so với niên vụ 2023/2024.

Bảng 1: Diện tích, sản lượng điều 2020-2024

	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	So với năm 2023 (%)
DT gieo trồng	1.000 ha	302,4	314,3	309,8	301,1	290	-3,7
Sản lượng	1.000 tấn	348,5	399,3	328,8	300	270	-21,4
Xuất khẩu	1.000 tấn	514,7	579,4	519,7	599,4	719,5	20,0

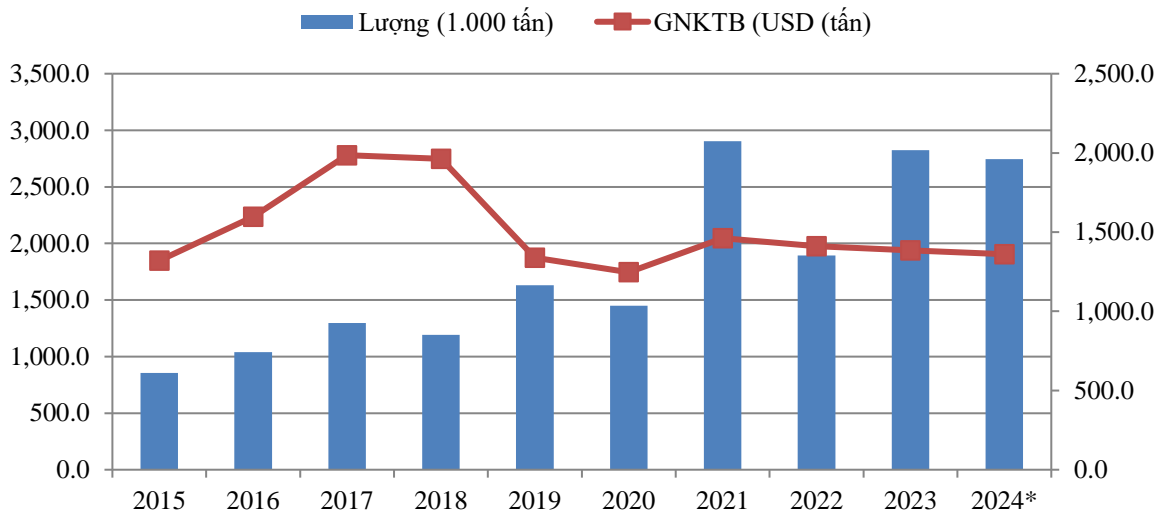
Nguồn: VITIC tổng hợp từ Tổng cục Thống kê

2. Tình hình nhập khẩu

Mặc dù là quốc gia đứng đầu thế giới về xuất khẩu hạt điều nhưng trong những năm gần đây, Việt Nam lại phải gia tăng nhập khẩu hạt điều thô vì tình trạng thiếu hụt nguyên liệu chế biến trong nước. Hiện 90% nguyên liệu phục vụ sản xuất của ngành điều Việt Nam được nhập khẩu từ Campuchia và châu Phi.

Sau khi tăng mạnh trong năm 2023 (tăng 46,2% về lượng và tăng 19,6% về kim ngạch) so với năm 2022, nhập khẩu hạt điều của Việt Nam năm 2024 đã hạ nhiệt.

Biểu đồ 1: Lượng và giá điều nhập khẩu trung bình qua các năm từ 2015-2024



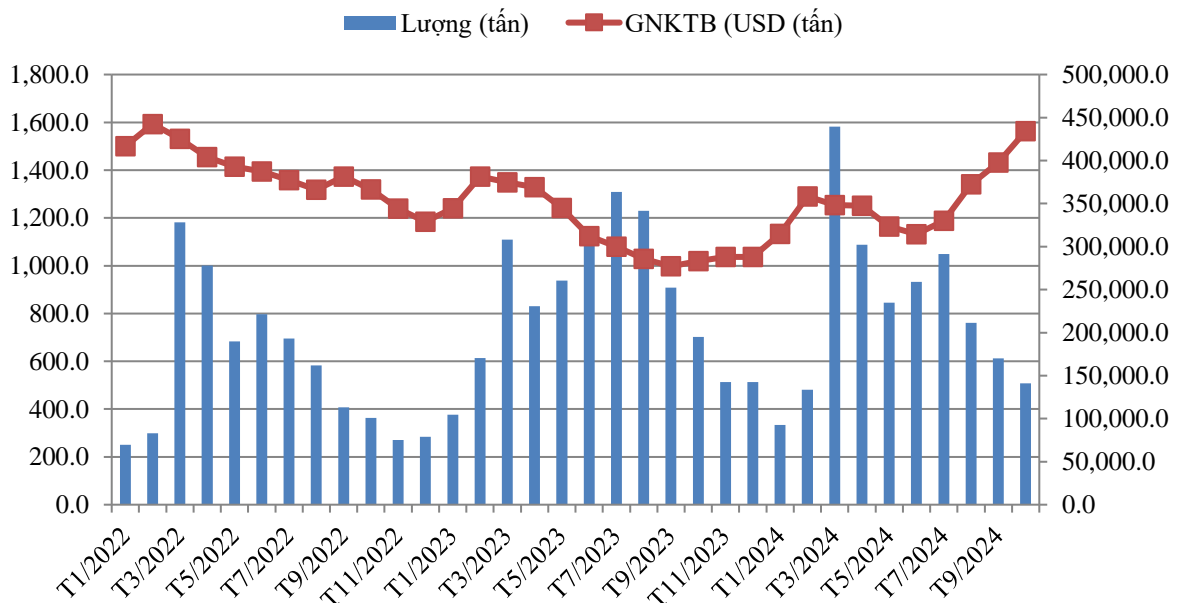
Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu từ TCHQ

Nửa đầu tháng 11/2024, nhập khẩu hạt điều đạt 66,6 nghìn tấn, kim ngạch đạt 101,3 triệu USD; lũy kế từ đầu năm đến 15/11/2024 nhập khẩu hạt điều đạt 2.228,6 nghìn tấn, kim ngạch đạt 2.772,9 triệu USD, giảm 8,2% về lượng và giảm 2,1% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2023.

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu hạt điều của Việt Nam trong tháng 10/2024 đạt 141,2 nghìn tấn, trị giá 220,7 triệu USD giảm 16,9% về lượng và giảm 9,3% về trị giá so với tháng trước.

Tính chung 10 tháng năm 2024, nhập khẩu hạt điều của Việt Nam đạt 2.309,6 nghìn tấn, trị giá 2.899,7 triệu USD, giảm 8,5% về lượng và giảm 1,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Biểu đồ 2: Lượng và giá điều nhập khẩu trung bình từ năm 2022-T10/2024



Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu từ TCHQ

Về thị trường: Trong 10 tháng năm 2024, Campuchia là nhà cung cấp hạt điều lớn nhất của Việt Nam, chiếm 36,6% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hạt điều của cả nước, với sản lượng hơn 815,2 nghìn tấn, trị giá hơn 1,06 tỷ USD, tăng 33,4% về lượng và tăng 27,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Giá nhập khẩu bình quân từ thị trường này đạt 1.300 USD/tấn, giảm 5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó có tới 98,5% sản lượng điều xuất khẩu của Campuchia được bán sang Việt Nam.

Đứng thứ 2 trong số các nhà cung cấp là Bờ Biển Ngà chiếm 23,4% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hạt điều của cả nước, với hơn 547,5 nghìn tấn, trị giá hơn 678,8 triệu USD, giảm 30,3% về lượng và giảm 20,4% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Giá nhập khẩu bình quân đạt 1.239 USD/tấn, tăng 14%.

Ghana là nhà cung cấp hạt điều lớn thứ 3 của Việt Nam, chiếm 10,4% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hạt điều của cả nước, với hơn 264,3 nghìn tấn, trị giá hơn 301,7 triệu USD, tăng 11,5% về lượng và tăng 18,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Giá nhập khẩu bình quân đạt 1.141 USD/tấn, tăng 6% so với 10T/2023.

Giá điều tăng là do sản lượng giảm, tác động từ mặt bằng giá và mặt hàng nông sản tăng mạnh.

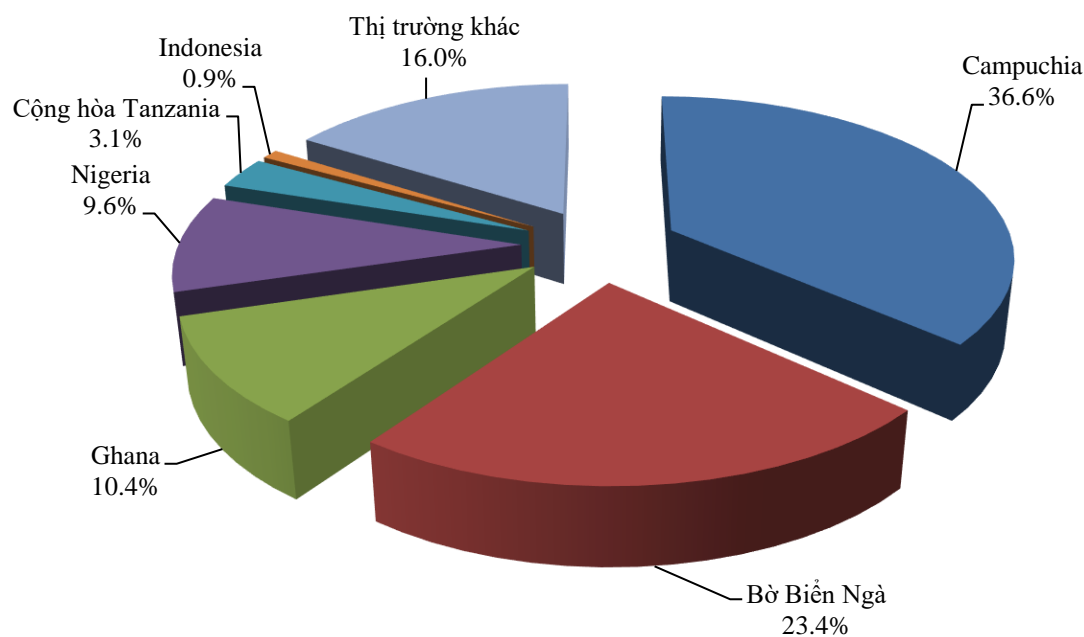
Bảng 2: Thị trường nhập khẩu hạt điều tháng 10 và 10 tháng năm 2024

Thị trường	T10/2024		So với T9/2024		10T/2024		So với 10T/2023 (%)	
	Lượng (Tấn)	Kim ngạch (Nghìn USD)	Lượng (%)	Kim ngạch (%)	Lượng (Tấn)	Kim ngạch (Nghìn USD)	Lượng (%)	Kim ngạch (%)
Tổng	141.184	220.725	-16,9	-9,3	2.309.572	2.899.723	-8,5	-1,1
Campuchia	6.538	11.235	-43,6	-41,4	815.206	1.060.491	33,4	27,4
Bờ Biển Ngà	64.611	97.816	-24,0	-16,4	547.535	678.867	-30,3	-20,4
Ghana	9.180	11.939	-50,1	-46,4	264.372	301.720	11,5	18,1
Nigeria	6.107	8.658	-64,0	-62,0	238.277	277.711	-5,1	5,9
Cộng hòa Tanzania	43	67	0,0	0,0	71.242	89.890	-29,3	-33,3
Indonesia	3.684	6.604	274,8	283,3	20.616	26.914	69,6	80,5

Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu từ TCHQ

Biểu đồ 3: Cơ cấu thị trường nhập khẩu hạt điều trong 10 tháng năm 2024

Tính theo kim ngạch



Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu từ TCHQ

II. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ

1. Tiêu thụ trong nước

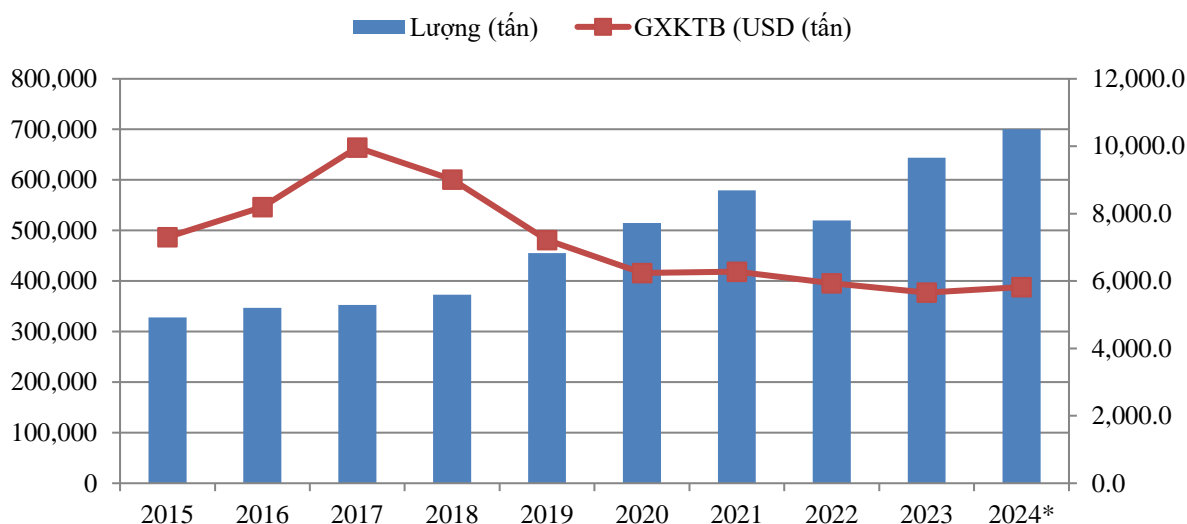
Theo thống kê, tiêu thụ trong nước nhân hạt điều đã qua chế biến chỉ chiếm 10% so với sản lượng nhân hạt điều đã qua chế biến, còn lại là để xuất khẩu.

Tiêu thụ điều trong nước tiếp tục xu hướng tăng cùng với tăng trưởng kinh tế, thu nhập của người tiêu dùng ngày càng tăng.

2. Tình hình xuất khẩu

Nửa đầu tháng 11/2024, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt 30,7 nghìn tấn, kim ngạch đạt 196,7 triệu USD; lũy kế từ đầu năm đến 15/11/2024 xuất khẩu hạt điều đạt 574,2 nghìn tấn, kim ngạch đạt 3,35 tỷ USD, tăng 11,1% về lượng, tăng 13,6% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2023.

Biểu đồ 4: Lượng và giá điều xuất khẩu trung bình qua các năm từ 2015-2024



Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu từ TCHQ

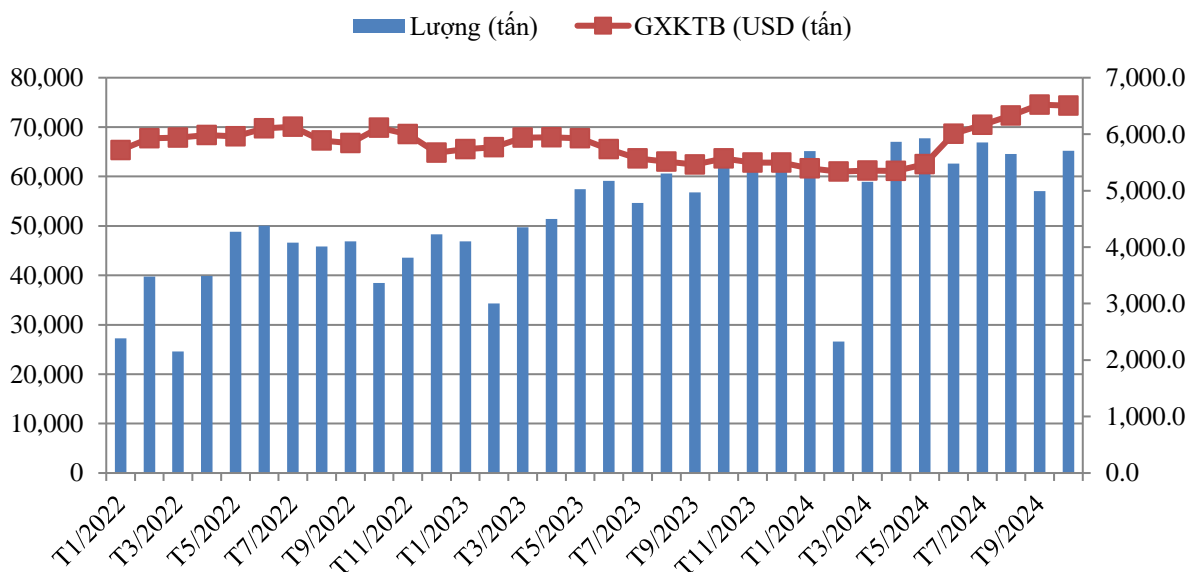
Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam trong tháng 10/2024 đạt 65,2 nghìn tấn, trị giá 424,4 triệu USD, tăng 14,3% về khối lượng, tăng 14,1% kim ngạch. Tính chung 10 tháng năm 2024, xuất khẩu hạt điều đạt 609,2 nghìn tấn, kim ngạch đạt 3,58 tỷ USD, tăng 17,9% về khối lượng, tăng 21,4% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2023.

Theo dự báo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, xuất khẩu điều năm 2024 sẽ lập kỷ lục, với con số 4,3-4,5 tỷ USD.

Kim ngạch xuất khẩu điều 10 tháng năm 2024 đã bằng với kết quả của cả năm 2023 và ngành điều Việt Nam vẫn đang tiếp tục duy trì vị trí số 1 thế giới về xuất khẩu điều nhân chế biến trong gần hai thập kỷ qua.

Rào cản lớn nhất hiện nay là giá nguyên liệu đầu vào tăng cao. Nguồn cung hạt điều thô trong nước cũng giảm sút mạnh. Theo đó, các doanh nghiệp cần chủ động theo dõi sát diễn biến thị trường, đầu tư nâng cao chất lượng để giữ vững đà xuất khẩu.

Biểu đồ 5: Lượng và giá điều xuất khẩu trung bình trong năm 2019-T10/2024



Về thị trường:

Trong 10 tháng năm 2024, lượng hạt điều xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ, chiếm 27,2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hạt điều của cả nước, đạt 165,9 nghìn tấn, trị giá đạt 973,9 triệu USD, tăng 27,8% về lượng và tăng 32,9% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2023.

Tiếp đến là xuất khẩu điều thô sang thị trường Trung Quốc chiếm 16,6% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hạt điều của cả nước, đạt 103,2 nghìn tấn, kim ngạch đạt 592,8 triệu USD, tăng 21,1% về lượng và tăng 13,6% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2023.

Thứ ba là xuất khẩu điều thô sang thị trường Hà Lan chiếm 9,4% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hạt điều của cả nước, đạt 57,4 nghìn tấn, kim ngạch đạt 337,1 triệu USD, tăng 12,5% về lượng và tăng 14,3% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2023.

Bảng 3: Thị trường xuất khẩu hạt điều tháng 10 và 10 tháng năm 2024

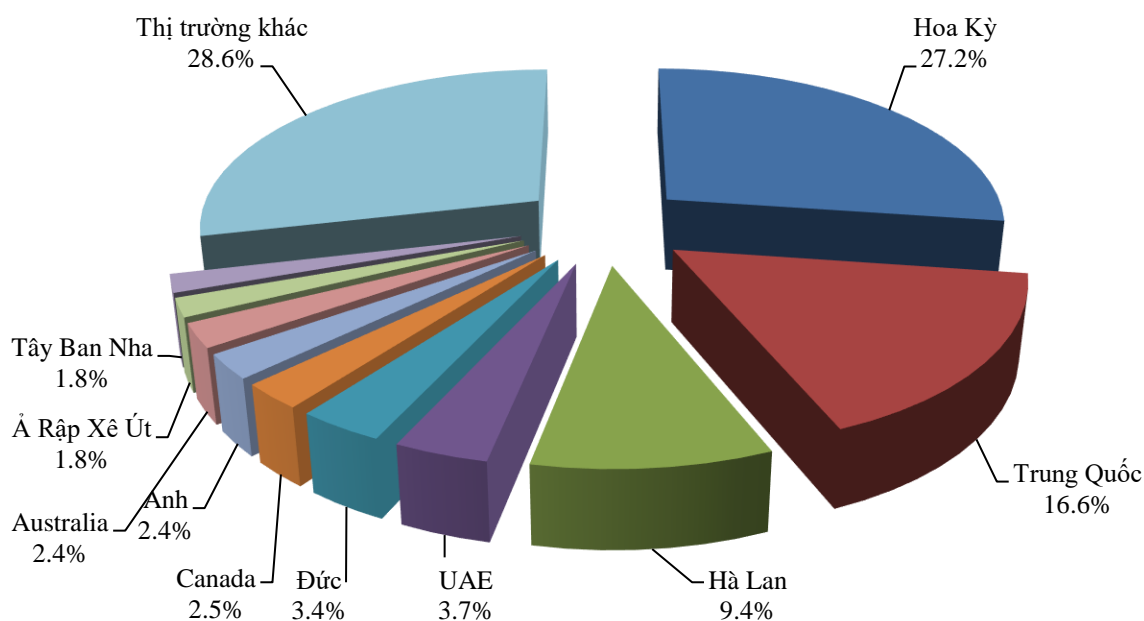
Thị trường	T10/2024		So với T9/2024		10T/2024		So với 10T/2023 (%)	
	Lượng (Tấn)	Kim ngạch (Nghìn USD)	Lượng (%)	Kim ngạch (%)	Lượng (Tấn)	Kim ngạch (Nghìn USD)	Lượng (%)	Kim ngạch (%)
Tổng	65.225	424.444	14,3	14,1	609.229	3.578.072	17,9	21,4
Hoa Kỳ	15.412	102.304	-5,4	-5,3	165.895	973.904	27,8	32,9
Trung Quốc	11.862	74.958	37,9	38,9	103.233	592.842	21,1	13,6
Hà Lan	7.011	41.795	26,4	22,2	57.397	337.133	12,5	14,3
UAE	4.143	31.009	56,5	56,2	20.456	133.683	50,4	74,5
Đức	2.600	16.378	38,9	40,3	21.449	123.022	21,1	24,2
Canada	1.859	12.540	-11,2	-12,6	14.762	90.687	25,7	29,7
Anh	1.616	8.718	5,3	1,8	17.032	87.323	9,6	10,0
Australia	1.626	9.502	1,1	2,5	15.467	85.134	5,6	7,7
Ả Rập Xê Út	1.033	7.649	23,0	30,6	10.390	65.942	-1,9	9,0
Tây Ban Nha	998	7.052	40,8	47,9	10.434	64.112	34,3	46,1
Iraq	877	6.226	-19,2	-25,1	8.456	56.230	34,2	52,6
Israel	527	3.876	-7,1	-10,1	7.504	53.570	17,1	25,2
Pháp	784	5.532	-5,9	-1,4	8.377	51.393	27,7	23,9
Nga	916	5.852	46,3	62,5	9.737	50.824	40,8	40,9
Nhật Bản	817	5.352	6,2	6,5	8.143	50.202	3,5	2,4
Lithuania	761	5.093	12,2	15,4	8.126	47.952	73,8	90,7
Thái Lan	764	4.788	-22,4	-25,8	8.355	46.461	1,1	5,9
Đài Loan	391	2.447	36,7	12,8	4.829	33.541	16,6	20,6
Italy	703	3.128	21,8	2,5	7.346	30.007	-0,4	-0,6
Ấn Độ	599	3.347	-45,6	-23,1	4.659	25.314	54,1	51,4
Hy Lạp	423	3.241	31,4	43,1	4.049	25.040	20,2	30,5
Bỉ	327	2.120	13,2	11,1	3.053	17.561	17,9	12,5
New Zealand	283	1.630	9,3	9,9	3.383	17.121	9,5	6,1
Hồng Kông	252	2.218	42,4	52,5	1.804	14.594	-4,4	-0,1

Thị trường	T10/2024		So với T9/2024		10T/2024		So với 10T/2023 (%)	
	Lượng (Tấn)	Kim ngạch (Nghìn USD)	Lượng (%)	Kim ngạch (%)	Lượng (Tấn)	Kim ngạch (Nghìn USD)	Lượng (%)	Kim ngạch (%)
Philippines	327	1.720	214,4	156,9	2.917	13.819	-3,0	0,1
Ai Cập	160	1.354	0,6	-4,0	1.416	10.535	13,3	31,1
Na Uy	100	563	-6,5	-14,7	1.184	6.860	1,9	2,6
Singapore	113	783	-16,9	-17,3	1.013	6.173	2,6	2,7
Nam Phi	118	719	-34,8	-33,8	1.032	5.745	17,7	20,4
Kyrgyzstan	48	358	-50,0	-48,7	733	4.623	-25,5	-23,2
Pakistan	157	1.216	-24,9	-21,9	612	4.347	-69,3	-62,4
Kuwait	67	516	52,3	35,5	544	3.782	11,5	22,2
Ukraine	45	310	4,7	1,5	132	921	0,0	0,0

Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu từ TCHQ

Biểu đồ 6: Cơ cấu thị trường xuất khẩu hạt điều trong 10 tháng năm 2024

Tính theo kim ngạch



Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu từ TCHQ

III. DIỄN BIẾN GIÁ

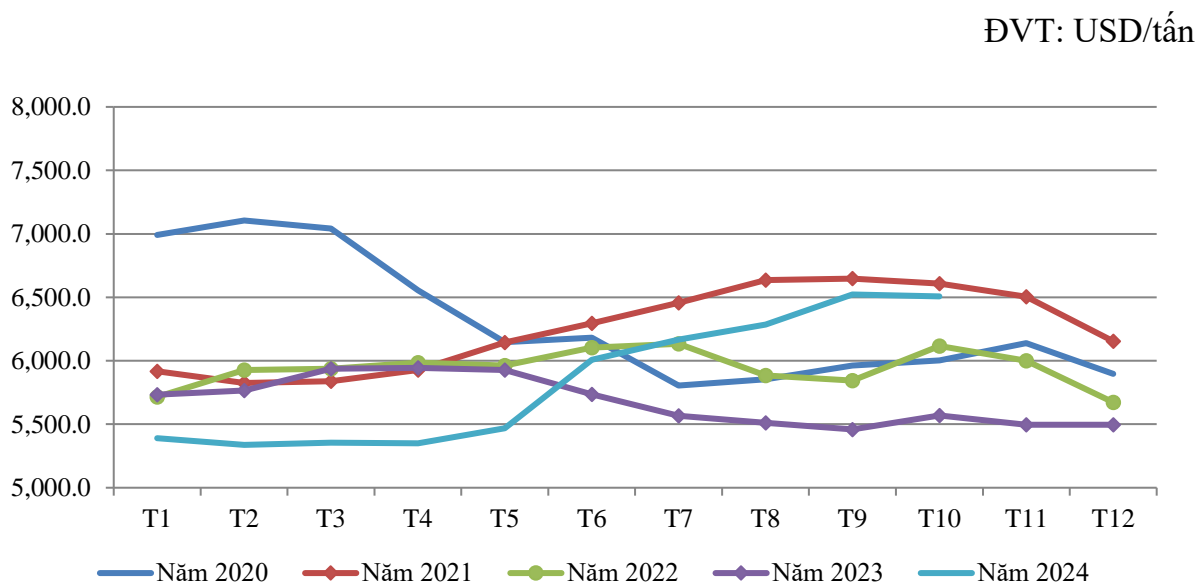
Giá hạt điều thô trong nước tháng 11/2024 giảm từ 1.000 – 2.000 đồng/kg so với tháng trước, do nhu cầu yếu nhưng so với cùng kỳ năm ngoái vẫn tăng.

Giá xuất khẩu bình quân tháng 10/2024 đạt 6.07,4 USD/tấn, giảm 0,2% so với tháng trước nhưng tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm 2024, giá điều xuất khẩu đạt 5.839,3 USD/ tấn, tăng 2,2% so với cùng kỳ.

Giá hạt điều ở cả chiều nhập khẩu và xuất khẩu đều đang biến động liên tục kể từ đầu năm đến nay. Một trong những lý do lớn nhất là gián đoạn chuỗi cung ứng do diện tích cây trồng này ngày càng bị thu hẹp. Trong khi nguồn cung trở nên khan hiếm thì nhu cầu ở các thị trường mới nổi như Trung Quốc và các khu vực khác ở châu Á tăng mạnh do tầng lớp trung lưu mở rộng và người tiêu dùng ngày càng chú trọng đến sức khỏe. Cạnh tranh gia tăng đối với nguồn cung sẵn có đã đẩy giá lên cao.

Rào cản lớn nhất hiện nay là giá nguyên liệu đầu vào tăng cao. Nguồn cung hạt điều thô trong nước cũng giảm sút mạnh. Theo Bộ Công Thương, các doanh nghiệp cần chủ động theo dõi sát diễn biến thị trường, đầu tư nâng cao chất lượng để giữ vững đà xuất khẩu.

Biểu đồ 7: Diễn biến giá điều xuất khẩu trung bình qua các tháng từ năm 2020 – T10/2024



Nguồn: VITIC tổng hợp

IV. DỰ BÁO, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Hội đồng Hạt và Quả khô quốc tế (INC) dự báo, nguồn cung hạt điều toàn cầu trong niên vụ 2024/2025 ước đạt 4,8 triệu tấn, giảm 10,9% so với niên vụ 2023/2024 do ảnh hưởng của thời tiết và người trồng chuyển sang cây trồng khác.

Mức sụt giảm mạnh nhất là khu vực Tây Phi do điều kiện thời tiết bất lợi, niên vụ 2024/2025 ước đạt 2.475 nghìn tấn, giảm 19,8% so với niên vụ trước.

Trong khi đó, sản lượng vụ điều của Campuchia tăng 26,98% ước đạt 800 nghìn tấn, nhưng khoảng 70% là hạt cỡ to, nên các doanh nghiệp Việt Nam đang thiếu hạt điều thương phẩm cỡ nhỏ để đáp ứng nhu cầu của nhiều nhà nhập khẩu.

Nguồn cung giảm trong khi nhu cầu ổn định tại thị trường truyền thống như Mỹ, EU, Trung Quốc. Hoa Kỳ và Trung Quốc tiếp tục là 2 thị trường chủ lực, chiếm gần 31% thị phần, nhờ nhu cầu tiêu thụ cao vào dịp cuối năm và các lễ hội truyền thống khiến giá hạt điều tăng. Cùng với xu hướng tăng của thế giới, giá hạt điều trong nước cũng tăng cao. Dự báo giá hạt điều tiếp tục tăng do nhu cầu nhập khẩu phục vụ các dịp lễ, Tết.

MỤC LỤC

I. NGUỒN CUNG.....	2
1. Tình hình sản xuất	2
2. Tình hình nhập khẩu.....	2
II. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ	5
1. Tiêu thụ trong nước	5
2. Tình hình xuất khẩu.....	5
III. DIỄN BIẾN GIÁ.....	8
IV. DỰ BÁO, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT.....	9
DANH MỤC BIỂU ĐỒ.....	10

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Lượng và giá điều nhập khẩu trung bình qua các năm từ 2015-2024.....	3
Biểu đồ 2: Lượng và giá điều nhập khẩu trung bình từ năm 2022-T10/2024	3
Biểu đồ 3: Cơ cấu thị trường nhập khẩu hạt điều trong 10 tháng năm 2024	4
Biểu đồ 4: Lượng và giá điều xuất khẩu trung bình qua các năm từ 2015-2024.....	5
Biểu đồ 5: Lượng và giá điều xuất khẩu trung bình trong năm 2019-T10/2024	6
Biểu đồ 6: Cơ cấu thị trường xuất khẩu hạt điều trong 10 tháng năm 2024	8
Biểu đồ 7: Diễn biến giá điều xuất khẩu trung bình qua các tháng từ năm 2020 – T10/2024.....	9

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Diện tích, sản lượng điều 2020-2023	2
Bảng 2: Thị trường nhập khẩu hạt điều tháng 10 và 10 tháng năm 2024	4
Bảng 3: Thị trường xuất khẩu hạt điều tháng 10 và 10 tháng năm 2024	7